

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;
- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa.
- Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường;
- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;
- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có);
- Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng;
- Tiến độ cung cấp hàng hóa;
- Yếu tố thân thiện môi trường;
- Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);
- Các yếu tố cần thiết khác.

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|---|--|--|
| 1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ | | |
| <p>Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật chi tiết theo yêu cầu của E-HSMT (không yêu cầu đối với vật tư, phụ kiện).</p> | <p>- Nhà thầu phải kê khai đầy đủ, chính xác các nội dung về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa trên webfrom làm cơ sở đánh giá E-HSDT, bao gồm: Ký mã hiệu; Nhãn hiệu; Năm sản xuất; Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất); Hãng sản xuất; Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản.</p> <p>- Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa chính mà nhà thầu đã kê khai đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V. Các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa là: Hồ sơ hoặc giấy tờ hoặc bản vẽ hoặc số liệu hoặc catalô của nhà sản xuất được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa so với các yêu cầu của E-HSMT đối với các lĩnh vực, chủng loại hàng hoá là thiết bị điện. Các lĩnh vực, chủng loại hàng hoá khác có mô tả đặc tính, thông số kỹ thuật, cam kết thông số kỹ thuật.</p> | Đạt |
| | <p>Nhà thầu không đáp ứng một trong các nội dung sau:</p> <p>- Nhà thầu không kê khai đầy đủ, chính xác các nội dung về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa trên webfrom làm cơ sở đánh giá E-HSDT, bao gồm: Ký mã hiệu; Nhãn hiệu; Năm sản xuất;</p> | Không đạt |

| | | |
|--|--|------------------|
| | <p>Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất); Hãng sản xuất; Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản.</p> <p>- Nhà thầu không cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa mà nhà thầu đã kê khai đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V. Các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa là: Hồ sơ hoặc giấy tờ hoặc bản vẽ hoặc số liệu hoặc catalô của nhà sản xuất được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa so với các yêu cầu của E-HSMT đối với các lĩnh vực, chủng loại thiết bị điện.</p> <p>- Nhà thầu không có mô tả đặc tính, thông số kỹ thuật, không cam kết thông số kỹ thuật, hình ảnh minh họa đối với các lĩnh vực, chủng loại hàng hoá khác.</p> | |
| 2. Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa; | | |
| <p>Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa.</p> | <p>Có đầy đủ các giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức cung cấp lắp đặt hàng hóa hợp lý, hiệu quả kinh tế; có cam kết cung đầy đủ công nhân lắp đặt thiết bị đáp ứng yêu cầu tiến độ gói thầu.</p> | Đạt |
| | <p>Không có giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức cung cấp lắp đặt hàng hóa hợp lý; hoặc không cam kết cung đầy đủ công nhân lắp đặt thiết bị đáp ứng yêu cầu tiến độ gói thầu.</p> | Không đạt |
| 3. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì. | | |
| <p>Thời gian bảo hành, bảo trì sau bảo hành.</p> | <p>- Nhà thầu trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì. Thời gian bảo hành từ 12 tháng trở lên và theo thời gian bảo hành yêu cầu tại Chương V và theo thời gian bảo hành của nhà sản xuất; bảo trì tối thiểu 02 lần sau thời gian bảo hành (06 tháng một lần).</p> | Đạt |
| | <p>- Nhà thầu không trình bày kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì. Hoặc</p> | Không đạt |

| | | |
|---|--|------------------|
| | - Thời gian bảo hành dưới 12 tháng hoặc dưới thời gian bảo hành yêu cầu tại Chương V hoặc theo thời gian bảo hành của nhà sản xuất; hoặc bảo trì dưới 02 lần sau thời gian bảo hành (06 tháng một lần). Hoặc | |
| 4. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa. | | |
| Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa | Nhà thầu có trình bày về mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa. Cam kết cung cấp đầy đủ vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa trong thời gian ≥ 1 năm. | Đạt |
| | Nhà thầu không trình bày về mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa. Hoặc Không có cam kết cung cấp đầy đủ vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa trong thời gian ≥ 1 năm. | Không đạt |
| 5. Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường; | | |
| Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường. | Nhà thầu có cam kết hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về mặt địa lý, môi trường; | Đạt |
| | Nhà thầu không có cam kết hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về mặt địa lý, môi trường; | Không đạt |
| 6. Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết | | |
| Hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động đến môi trường và đề xuất biện pháp giải quyết | Nhà thầu nêu ảnh hưởng của hàng hoá đối với môi trường, đề xuất biện pháp giải quyết. | Đạt |
| | Nhà thầu không nêu đầy đủ ảnh hưởng của hàng hoá đối với môi trường, đề xuất biện pháp giải quyết. | Không đạt |

| | | |
|--|--|---------------------------|
| 7. Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyên giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng; | | |
| Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyên giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng; | Nhà thầu nêu các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyên giao công nghệ (nếu có), cung cấp các dịch vụ sau bán hàng; | Đạt |
| Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyên giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng; | Nhà thầu không nêu đầy đủ các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyên giao công nghệ (nếu có), cung cấp các dịch vụ sau bán hàng; | Không đạt |
| 8. Tiến độ cung cấp hàng hóa | | |
| Tiến độ cung cấp hàng hóa | Nhà thầu có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. | Đạt |
| Tiến độ cung cấp hàng hóa | Nhà thầu không có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hoặc có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật. | Không đạt |
| Kết luận⁽¹⁾ | | Đạt/ Không đạt |

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất¹:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

- Trường hợp Mục 13.5 E-BDL quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) Chương IV:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

- Trường hợp Mục 13.5 E-BDL quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C) Chương IV:

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này. Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, áp dụng phương pháp giá thấp nhất.

Bước 1. Xác định giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)

Không áp dụng

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có)

Không áp dụng